TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28/4/2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nga

2. Ông Hồ Bạch Long

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Bá Chuẩn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Long – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim C, sinh năm: 1977 (vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Dương Văn V, sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Cùng HKTT: 81 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn tạm trú tại: 456 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 13 tháng 5 năm 2021 và bản tự khai nguyên đơn Phạm Thị Kim C trình bày: bà và ông Dương Văn V sống chung với nhau từ năm 1994, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 25/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông V ngoại tình, bà C đã tha thứ nhiều lần nhưng lần này ông V không hối hận, dọn nhà về nhà bà ngoại chồng sinh sống nên hai bên đã li thân 8 tháng cho đến trước khi nộp đơn khởi kiện. Nay bà C yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: có hai người con chung tên là Dương Tấn H (sinh ngày 14/4/1995) và Dương Phạm Kim T (sinh ngày 25/02/2009). Dương Tấn H đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân. Cháu T hiện đang sống với bà C nên bà xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn khai không có.

Cùng với việc nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nguyên đơn đã nộp cho Tòa án chứng minh nhân dân, căn cước công dân và hộ khẩu của đương sự (bản sao chứng thực); Giấy khai sinh của 2 con (bản sao chứng thực); Trích lục kết hôn (bản chính). Do tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp và đã được chứng thực hợp pháp nên không cần chứng minh.

Bị đơn Dương Văn V đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ nhưng không có văn bản nêu ý kiến và cũng không đến tham gia tố tụng theo giấy triệu tập Tòa án. Qua tiến hành xác minh nơi cư trú thì Công an xã B xác định ông V có hộ khẩu thường trú tại 81 ấp B, xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh nhưng hiện đang sinh sống tại 456 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông V nhưng ông vẫn vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà C. Ngày 15/3/2022 bà C có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

Bà Phạm Thị Kim C có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu. Ông Dương Văn V đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về thụ lý vụ án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Tòa án nhân dân huyện C có nhận đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Kim C, hình thức, nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 BLTTDS 2015 và thủ tục nhận đơn khởi kiện đúng Điều 191 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Tòa án nhân dân huyện C đã thụ lý vụ án và phân công thẩm phán giải quyết vụ án theo đúng quy định tại Điều 191, Điều 195; Điều 196; Điều 197 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Quan hệ tranh chấp là "Ly hôn", bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, Tp. Hồ Chí Minh nên thẩm quyền thụ lý vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật.

+ Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, xác minh nơi cư trú của đương sự đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Vụ án được thụ lý từ ngày 26 tháng 10 năm 2021 đến ngày 17 tháng 3 năm 2022 Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng không có quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về hình thức và nội dung Quyết định đưa vụ án ra xét xử được thể hiện đầy đủ, việc gửi quyết định cho Viện kiểm sát, cũng như việc chuyển hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

-Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình là vi phạm các quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Quan điểm giải quyết vụ án: Theo trình bày của bà C có trong hồ sơ vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông V không đến Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà C. Điều đó cho thấy, ông V đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, có ý thức bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân này.

Nhận thấy cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, không thể dung hòa, hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu được ly hôn của bà C là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung là Dương Tấn H (sinh ngày 14/4/1995) và Dương Phạm Kim T (sinh ngày 25/02/2009). Xét thấy bà C không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con, ông V có lối sống không lành mạnh, đồng thời vắng mặt không có ý kiến gì. Do đó để đảm bảo lợi ích về mọi mặt cho con theo qui định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Dương Phạm Kim T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và có cơ sở, ghi nhận bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Dương Tấn H đã trưởng thành nên không xem xét.

Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình 2014, Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 để tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị Kim C về việc giải quyết cho ly hôn với ông Dương Văn V. Giấy chứng nhận kết hôn số 124 ngày 25/6/2003 do UBND xã B, huyện C cấp không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao cháu Dương Phạm Kim T cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và có cơ sở, ghi nhận bà C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Phạm Thị Kim C có đơn xin ly hôn đối với ông Dương Văn V. Ông V đăng ký hộ khẩu thường trú tại 81 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện đang sinh sống tại 456 ấp B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự .

[2]. Về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì:

Bà Phạm Thị Kim C tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn.

Ông Dương Văn V tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn.

Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân:

Bà Phạm Thị Kim C và ông Dương Văn V kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận số 124 ngày 25/6/2003 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh cấp. Do đó có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Thị Kim C và ông Dương Văn V là hợp pháp, quyền lợi của các bên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà C đối với ông V: Bà C và ông V đã sống chung từ năm 1994. Theo bà C khai, do cuộc sống chung không được hạnh phúc, luôn xảy ra những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và bản thân ông V không có trách nhiệm với gia đình, không cố gắng xây dựng hạnh phúc. Trong thời gian ly thân, hai bên không gần gũi cũng không quan tâm đến cuộc sống của nhau, ông V không thăm nom, chăm sóc con chung. Xét trong thời gian bà C yêu cầu ly hôn Tòa án đã thông báo các văn bản tố tụng đối với yêu cầu của bà C nhưng ông V biết vẫn không có động thái để gặp gỡ, trao đổi với bà C nhằm níu kéo hạnh phúc gia đình, từ đó cho thấy ông V không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với bà C nên ông bỏ mặc cuộc hôn nhân này. Bản thân bà C cũng không mong muốn đoàn tụ với ông V. Qua đó Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của hai đương sự nhưng không nhận được kết quả trả lời từ chính quyền địa phương.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Mâu thuẫn giữa bà C và ông V đã trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Phạm

Thị Kim C yêu cầu ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở để chấp nhận.

- *Về con chung*: Bà Phạm Thị Kim C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên là Dương Phạm Kim T (sinh ngày 25/02/2009) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con. Người con chung tên là Dương Tấn H đã trưởng thành, tự nuôi sống bản thân. Xét yêu cầu này là có cơ sở bởi trong thời gian qua ông V không thể hiện trách nhiệm của mình cũng như không quan tâm, lo lắng đến sự phát triển của các con. Xét cuộc sống của cháu T hiện ổn định và cũng được bà C quan tâm, chăm sóc, nuôi dưỡng và tạo điều kiện để cho cháu được phát triển về thể chất và tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của bà C.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: nguyên đơn khai không có.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Do bà Phạm Thị Kim C là người nộp đơn xin ly hôn đối với ông Dương Văn V nên bà Phạm Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 71, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình

- Căn cứ vào các Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Kim C đối với ông Dương Văn V. Quan hệ hôn nhân của ông V và bà C chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Phạm Kim T (sinh ngày 25/02/2009) cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Không đặt ra yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với ông V.

Ông Dương Văn V có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng; người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có

thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, bà C phải tạo điều kiện để ông V thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc con của mình.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí:

Bà Phạm Thị Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0045407 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C; bà Phạm Thị Kim C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND H.C, TP.HCM;
- THADS H. C, TP.HCM;
- UBND xã B, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu: vp.hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Thùy Minh